

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TOP ENERGY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TOP ENERGY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110560477

**3. Ngày thành lập:** 04/12/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10, ngách 16, ngõ 27 đường Thanh Đàm, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963267266

Fax:

Email: Topacquy1@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                | 4511        |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                        | 4512        |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                  | 4513        |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                     | 4520        |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)  | 4530(Chính) |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)                                         | 4541        |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                | 4542        |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy) | 4543        |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Loại trừ: Bán buôn dược phẩm)                                                               | 4649        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                 | 4652        |
| 11. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>(Trừ loại cấm)                                                     | 4661        |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Loại trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)                                        | 4662        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ: Bán buôn dược phẩm)                                                | 4669        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá, Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tấc ký)<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh<br>(Theo Điều 28 Luật thương mại 2005) | 8299 |
| 15. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                     | 7120 |
| 16. | Quảng cáo<br>(Trừ hoạt động quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo 2012)                                                                                                                                                                     | 7310 |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                  | 7320 |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                     | 7410 |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                             | 7710 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Điều 5 Nghị định 10/2020/NĐ-CP                                                                                                                                                                       | 4932 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô<br>(Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                        | 4933 |
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 23. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                         | 5224 |
| 24. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)<br>(trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                       | 3315 |
| 25. | Thu gom rác thải độc hại<br>(Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)                                                                                                                                             | 3812 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 150.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN HIẾU         | Số 10, ngách 16,<br>ngõ 27 đường<br>Thanh Đàm,<br>Phường Thanh<br>Trì, Quận Hoàng<br>Mai, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 33,333       | 0010940112<br>06                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 33,333       |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN HUY<br>HOÀNG | Tổ 10, Phường<br>Vĩnh Tuy, Quận<br>Hai Bà Trưng,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 33,333       | 0012040015<br>78                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                         | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 33,333       |                                                                                                                        |            |

|   |                         |                                                                                      |                                    |        |             |        |                  |
|---|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>MẠNH<br>CƯỜNG | Thôn My Dương,<br>Xã Thanh Mai,<br>Huyện Thanh Oai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000 | 500.000.000 | 33,333 | 0010920149<br>98 |
|   |                         |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                      | Tổng số                            | 50.000 | 500.000.000 | 33,333 |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/03/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001094011206

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 61, Tổ 10,phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10, ngách 16, ngõ 27 đường Thanh Đàm, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội